

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thu Thủy

2. Bà Trịnh Thị Kim Oanh

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Quang Huy - Thư ký Tòa án khu vực 6 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Sơn La tham gia phiên tòa:

Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Sơn La xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Màng Thị T**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Bản T, xã X, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lò Văn U**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Bản T, xã X, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại Tòa án, nguyên đơn là chị Màng Thị T trình bày như sau:

Giữa chị và bị đơn anh Lò Văn U kết hôn với nhau từ ngày 17/5/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, (Nay là xã M, tỉnh Điện Biên) kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị T, anh U sống hạnh phúc từ năm 2017 đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, do anh U thường xuyên rượu, bia không quan tâm đến đình vợ con, cuộc sống không thể hòa thuận được. Nên tôi đã đưa con về bên ngoại sống, vợ, chồng đã sống ly thân từ năm

2023 cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn U.

- Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh Lò Văn U có với nhau 01 con chung, cháu tên là Lò Thành Đ, sinh ngày 03 - 9 - 2017 hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn Chị T xin được nhận quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Chị Trinh xác định vợ chồng không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/7/2025 và biên bản hòa giải ngày 25/7/2025 anh Lò Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Màng Thị Tvề quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, một phần do chị đi làm xa không quan tâm chồng con và gia đình. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thành Đ và anh không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày và anh đồng ý phương án nuôi con như chị T trình bày.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Sơn La phát biểu quan điểm:

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Màng Thị T. Xử cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn U.

- Về con chung: Giao cho chị Màng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chấp nhận việc chị Màng Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chấp nhận việc các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Màng Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Lò Văn U theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, về việc: “ Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, giữa nguyên đơn chị Màng Thị T, sinh năm 1996 và bị đơn anh Lò Văn U, sinh năm 1993 đều có nơi cư trú và thường trú tại: Bản T, xã T, huyện V, tỉnh Sơn La (Nay là bản T, xã X, tỉnh Sơn La) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La.

- Đây là vụ án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Sơn La tham gia phiên tòa, theo Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Màng Thị T và anh Lò Văn U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2017 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị T và anh U do UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên cấp và chị T giao nộp tại hồ sơ vụ án; Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị Màng Thị T và anh Lò Văn U là hợp pháp. Phía chị T cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về quan điểm sống, do anh U thường xuyên rượu, bia không chăm lo cuộc sống chung của gia đình, con cái và anh, chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và chị không còn yêu thương anh U nữa nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn U. Xét thấy; trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn U không đồng ý ly hôn; Nhưng tại bản ghi lời khai ngày 16/7/2025, biên bản hòa giải ngày 25/7/2025 anh khẳng định, trường hợp chị T nhất quyết ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giao cháu Lò Thành Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không đưa ra phương án cụ thể để giải quyết mâu thuẫn cho vợ chồng đoàn tụ, chứng tỏ anh U không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ, mà thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Màng Thị T và xử cho chị T được ly hôn anh Lò Văn U là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh U có 01 con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 03/9/2017, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 03/9/2017 đã trên 08 tuổi nhưng cháu là bị người khuyết tật, chậm phát triển không nói được, nên không thể lấy ý kiến của cháu được; Do vậy căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của người mẹ, nên giao cháu Lò Thành Đ cho chị T được quyền nuôi dưỡng con chung, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Màng Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của xã X, tỉnh Sơn La, nên chị T thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, HĐXX miễn 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Màng Thị T.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Màng Thị T về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Màng Thị T được ly hôn anh Lò Văn U.
2. Về con chung: Giao cho chị Màng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 03/9/ 2017, cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. “Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật”.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Màng Thị T được miễn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án ND Tỉnh;
- VKSND khu vực 6 (02);
- THA dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (02);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Bàn Văn Hoàng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Hoàng